TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HS-ST
Ngày 13 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm và ông Nông Khắc Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

Triệu Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn B, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị C, đã chết; vợ: Tống Thị L, sinh năm 1984; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 20/6/2014 Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 tháng 26 ngày về tội đánh bạc, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Doãn Đức T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 6B, ngõ 252, đường N, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Tự H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Văn T có giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 23/7/2020. Ngày 15/3/2024 Triệu Văn T ký kết hợp đồng lái xe với anh Doãn Đức T, sinh năm 1982, ở số 6B, ngõ 252, đường N, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 06 giờ, ngày 15/5/2024, Triệu Văn T điều khiển xe ô tô biển số 29H-039.54 có trọng tải 13.670kg đi từ khu đô thị mới gần ngã tư xã S, huyện H đến thôn P, xã H, huyện H để chở đất san lấp mặt bằng. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô chở đất hướng xã H đi Quốc lộ 1, khi đi đến Km3+100, đường tỉnh lộ 242, thuộc thôn N, xã H, T thấy có biển cảnh báo nguy hiểm, đường cong cua, đồng thời nhìn thấy phía trước có bà Hoàng Thị N đang điều khiển xe gắn máy hai bánh điện đi sát mép đường bên phải cùng chiều, T điều khiển xe ô tô vượt lên thì phát hiện phía trước có 01 xe ô tô đang đi ngược chiều nên T đánh lái sang bên phải thì xảy ra va chạm với bà Hoàng Thị N, làm bà N bị ngã ra đường, các bánh bên ngoài của 04 trục bánh xe ô tô phía bên phải kẹp qua cánh tay trái và đùi trái của bà N. Sau đó T đỗ xe lại cùng mọi người đưa bà N đi cấp cứu.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 2349/24/KLTTCT-TTPY, ngày 07/6/2024 của Trung tâm Pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh B kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Hoàng Thị N là 90%.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường cong vòng sang bên phải theo hướng xã H đi Quốc lộ 1, mặt đường trải bê tông nhựa phẳng, rộng 7,30m, giữa đường có kẻ vạch sơn màu vàng nét đứt đã mờ phân chia hai chiều xe chạy, Làn đường bên trái rộng 3,55m, làn đường bên phải rộng 3,60m, lề đường bên trái rộng 2,50m, lề đường bên phải rộng 1,45m. Cách vị trí xảy ra tai nạn hướng về xã H 128m, ngoài lề đường bên phải là biển báo nguy hiểm số 202a biển cảnh báo nhiều chỗ ngoặt nguy hiểm liên tiếp, theo hướng xã H đi Quốc lộ 1A, lấy mép đường bên phải làm chuẩn, các dấu vết thể hiện như sau:

Điểm va chạm xác định là vết cầy trượt nằm bên ngoài đường bên phải hướng xã H – Quốc lộ 1 (vết 1), kích thước 1,66m x 0,50m, đầu vết cách mép đường 0,23m, cuối vết cách mép đường 0,13m, cách 1,92m, hướng ra lề đường phải là tâm trục bánh xe gắn máy hai bánh điện, cách 10,10m hướng Quốc lộ 1 là cột Km3+100 ngoài lề đường phải (mốc hiện trường).

Vết 2 là xe gắn máy hai bánh điện đổ nghiêng trái ngoài lề đường phải, đầu hướng ra ngoài lề đường phải, đuôi xe hướng vào lòng đường, tâm trục bánh trước cách mép đường 1,28m, tâm trục bánh sau trên mép đường.

Vết số 3 là vùng máu không rõ hình nằm trên phần đường bên phải kích thước 2,40m x 1,5m.

Vết 4 là vết hằn vân hoa lốp màu đỏ trên phần đường bên phải kích thước 11,90m x 0,51m, đầu vết cách mép đường 1,10m, cuối vết kết thúc tại trục bánh sau cùng bên phải xe ô tô 29H-039.54.

Xe ô tô tải biển số 29H-039.54 đỗ trên phần đường bên phải, đầu xe hướng Quốc lộ 1, đuôi xe hướng xã H, tâm trục bánh trước bên phải cách mép đường 2,18m, tâm trục bánh sau bên phải cách mép đường 02m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện thể hiện: Xe ô tô tải biển số 29H-039.54 các dấu vết va chạm tập trung ở mặt ngoài má lốp bánh trước bên phải và bánh bên ngoài của 04 trục bánh xe bên phải; xe găn smays hai bánh điện các dấu vết do va chạm tập trung phía bên trái.

Tại bản kết luận giám định kỹ thuật số 77/GĐKT-ĐK ngày 23/6/2024 của Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới L kết luận: Khi xảy ra tai nạn, các hệ thống an toàn của xe ô tô đầy đủ, hoạt động bình thường, đảm bảo an toàn kỹ thuật; xe gắn máy hai bánh điện hệ thống lái, hệ thống phanh, hệ thống đèn hoạt động bình thường, tuy nhiên, do chưa được Cục đăng kiểm Việt Nam chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật nên không có cơ sở để đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/KL-HĐĐG ngày 07/6/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Chi phí thay thế, sửa chữa các bộ phận hư hỏng của xe ô tô là 400.000 đồng; chi phí thay thế, sửa chữa các bộ phận hư hỏng của xe gắn máy hai bánh điện là 210.000 đồng.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn và xét nghiệm đối với Triệu Văn T và bà Hoàng Thị N đều có kết quả 0,000mg/l khí thở và âm tính với chất ma tuý.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữu và làm rõ: Ô tô tải biển số 29H-039.54, giấy chứng nhận đăng kiểm số 0168339, giấy chứng nhận bảo hiểm số 0090841 là của anh Doãn Đức T; xe gắn máy hai bánh điện là của bà Hoàng Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Hiện đang tạm giữ 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Triệu Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn, bị cáo và anh Doãn Đức T đã thoả thuận với người bị hại bồi thường tổng số tiền 455.000.000 đồng, trong đó bị cáo bồi thường 350.000.000 đồng, anh T bồi thường 105.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu gì khác về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà bị hại bà Hoàng Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bà không đề nghị gì thêm về bồi thường và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Doãn Đức T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh không có ý kiến gì về việc cùng bị cáo bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 đến 04 năm, giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe.

Về dân sự: Không xem xét giải quyết.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ cận nghèo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại bà Hoàng Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Doãn Đức T và người làm chứng anh Bùi Văn T, anh Hoàng Tự H đều vắng mặt. Bà Hoàng Thị N, anh Doãn Đức T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Bùi Văn T, anh Hoàng Tự H, vắng mặt không có lý do. Những người vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 15/5/2024 tại Km 3 + 100 đường tỉnh lộ 242 thuộc thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Triệu Văn T

điều khiển xe ô tô biển số 29H-039.54 đi hướng Quốc lộ 1, do không chấp hành quy tắc giao thông đường bộ và hệ thống báo hiệu đường bộ, vượt xe khi không đảm bảo an toàn đã gây tai nạn với xe gắn máy hai bánh điện do bà Hoàng Thị N điều khiển. Hậu quả bà Hoàng Thị N bị tổn thương cơ thể 90%. Bị cáo khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đã vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 11, khoản 2, điểm a, c khoản 5 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp sức khỏe, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến an toàn giao thông đường bộ, ảnh hưởng không tốt đến trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, để bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải xử lý nghiêm hành vi của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên năm 2014 bị xét xử về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo và chủ xe đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 455.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu giải quyết về phần dân sự và xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[8] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng do nghề nghiệp chính của bị cáo là lái xe.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng chủ xe và bị hại bà Hoàng Thị N đã thỏa thuận xong phần bồi thường dân sự, cụ thể bị cáo và chủ xe đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 455.000.000 đồng, trong đó của bị cáo 350.000.000 đồng, của chủ xe anh Doãn Đức T 105.000.000 đồng, bị hại bà N không có yêu cầu gì thêm về dân sự, anh Doãn Đức T không có ý kiến gì về việc bồi thường cùng với bị cáo. Xét thấy, sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, nên cần ghi nhận.

[11] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo 01

giấy phép lái xe do xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng sung công quỹ nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, do bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

2. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/11/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, chủ xe anh Doãn Đức T và bị hại Hoàng Thị N, bị cáo và chủ xe đã bồi thường cho bị hại Hoàng Thị N số tiền 455.000.000 đồng.

4. Về vật chứng vụ án:

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng C số 330154015123 mang tên Triệu Văn T.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn)

5. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ cận nghèo.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết